

Cử Chi, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Số: 250/2021/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 146/2021/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thạch L, sinh năm: 1991; địa chỉ: Số 901, đường Nguyễn Thị R, tổ 5, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh năm: 1987; địa chỉ: Số 440, đường Võ Văn Đ, tổ 09, ấp B, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 11 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2021 là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nguyễn Thạch L với bà Nguyễn Thị Ngọc L1;

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65, quyển số 01/2015 ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông L, bà L1 không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thạch L, sinh năm: 1991; địa chỉ: Số 901, đường Nguyễn Thị R, tổ 5, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh năm: 1987; địa chỉ: Số 440, đường Võ Văn Đ, tổ 09, ấp B, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 20/11/2015 và Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 06/12/2017. Bà L1 được quyền trực tiếp

nuôi dưỡng 02 con chung; ghi nhận sự tự nguyện của bà L1 không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm non để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên xác định không có.
- Về nghĩa vụ dân sự chung: Các bên xác định không có.
- Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) ông L tự nguyện nộp; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0085668 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; ông L được hoàn lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(12b)

THẨM PHÁN

Hà Thị Xuân Lan